



BSC WEEKLY REVIEW

Tuần 29 (17/07-21/07/23)

VN-Index hướng về 1,200 điểm

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index hướng về 1,200 điểm*
2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index hướng về ngưỡng tâm lý 1,200 điểm*
4. TIN VĨ MÔ: *VBMA: có 13 đợt phát hành TPDN riêng lẻ trong tháng 6/2023*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ +7.43%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index hướng về 1,200 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1168.40	2.67%
GTGD/phần (tỷ VND)	16,491.78	19.78%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1016.22	
HNX-INDEX	230.19	1.94%
GTGD/phần (tỷ VND)	1722.18	22.44%
Khối ngoại (tỷ VND)	45.81	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4505.42	-0.10%	2.42%	3.04%
EU (EURO STOXX)	4400.11	0.19%	3.86%	0.12%
China (SHCOMP)	3237.70	0.04%	1.29%	0.27%
Japan (NIKKEI)	32391.26	-0.09%	0.01%	-3.90%
Korea (KOSPI)	2628.30	1.43%	4.02%	0.10%
Singapore (STI)	3248.63	0.31%	3.48%	0.18%
Thailand (SET)	1517.92	1.60%	1.84%	-2.66%
Philippines (PCOMP)	6624.79	0.70%	3.85%	2.53%
Malaysia (KLCI)	1412.09	1.14%	2.50%	2.20%
Indonesia (JCI)	6869.57	0.87%	2.28%	2.24%
Vietnam (VNIndex)	1168.40	0.26%	2.67%	4.77%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phần	HĐM^ / phần
VN30F2312	1140.30	-1.75%	18,624	60,165
VN30F2305	1162.10	0.13%	257	6,068
VN30F2306	1155.00	-0.48%	11	606
VN30F2309	1153.60	-0.60%	9	665

TTCK VIỆT NAM

Dòng tiền mở rộng, VN-Index duy trì đà tăng điểm tích cực

Hòa chung nhịp tăng của CK thế giới, VN-Index mở rộng đà tăng 2.67% với thanh khoản cải thiện 18% so với tuần trước. Sự trở lại các cổ phiếu vốn hóa lớn chưa tăng giá như VHM, MSN, MWG, GAS là động lực đẩy chỉ số. Dòng tiền tăng trưởng và luân chuyển cải thiện độ rộng tăng điểm với 76% cổ phiếu và 15/19 ngành tăng điểm. Các ngành có mức tăng chậm so thị trường thời gian qua như thực phẩm đồ uống, công nghệ thông tin và tiện ích đều ghi nhận mức tăng trên 3%. Khối ngoại bán ròng trên 38 triệu USD là điểm trừ duy nhất trong bối cảnh thị trường đang thu hút trở lại dòng vốn nội và tạo ra chuyển biến rõ nét về xu hướng và thanh khoản. VN-Index đang hướng về 1,200 điểm, và NĐT tiếp tục tận dụng cơ hội để tăng tỷ trọng nắm giữ khi thị trường dần phân hóa trước KQKD quý II.

Nghị quyết 97 tại cuộc họp thường kỳ tháng 6, Chính phủ chỉ đạo các Bộ phối hợp giảm lãi suất cho vay ít nhất từ 1.5% - 2%, hạn mức tín dụng cả năm 13- 15%, rà soát các tiêu chí cho vay, xử lý các Ngân hàng yếu kém và đẩy mạnh gói hỗ trợ tín dụng 40 nghìn tỷ và 120 nghìn tỷ cho nhà xã hội. Các tổ chức tín dụng trong Hội nghị sơ kết ngành Ngân hàng 6 tháng đầu năm cũng đồng thuận giảm lãi suất đồng thời xem xét giảm phí, lệ phí và các dịch vụ khác... nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cùng với biện pháp hỗ trợ thanh khoản hệ thống từ SBV, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 năm đang giảm về dưới 8% giúp cho lãi suất bình quân giảm qua đó tạo điều kiện cho lãi suất cho vay giảm trong 6 tháng cuối năm.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ tăng tốt nhờ thông tin vĩ mô và KQKD quý II khả quan

Các chỉ số CK có tuần tăng mạnh bình quân 2.6% khi đón nhận thông tin CPI tích cực và các ngân hàng công bố KQKD vượt kỳ vọng khởi động mùa công bố lợi nhuận quý II. Xu hướng tăng điểm cũng được khi nhận từ Châu Âu sang Châu Á. Chỉ số EU600 tăng 2.9%, dẫn đầu bởi các thị trường chủ chốt Đức và Pháp trong khi TTCK Trung Quốc, Hongkong, Đài Loan, Philippines đều tăng khá mạnh. Chỉ số DXY giảm mạnh 2.2%, mở rộng mức giảm 7.5% tác động tích cực lên cho TTCK và thị trường hàng hóa. Chỉ số hàng hóa tăng 3.5%, dẫn đầu các mặt hàng kim loại như Bạc (+8.1%), Nhôm (+5.9%) và Chì (+4.2%). Tuần tới, Trung Quốc sẽ công bố nhiều chỉ tiêu vĩ mô quan trọng cho việc đánh giá triển vọng của nền kinh tế đứng thứ 2 thế giới. Lạm phát tháng 6 Hoa Kỳ tăng 3% so cùng kỳ, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2021, nhờ giá cả hạ nhiệt và so sánh với mức nền cao cùng thời kỳ 2022. CPI lõi tăng 4.8% so với cùng kỳ và 0.2% so với tháng trước. Con số này thấp hơn so với dự báo tăng 5% và 0.3% từ các chuyên gia kinh tế. Số liệu cho thấy FED đang đi đúng hướng trong cuộc chiến chống lạm phát và tự tin hơn trong các quyết sách sắp tới. Tuy nhiên, lạm phát lõi vẫn cao hơn 2 lần lạm phát mục tiêu do vậy thị trường nhận định FED sẽ tăng 0.25% trong kỳ họp 25-26/7 tới đây và đánh giá khả năng FED tăng lãi suất thêm một lần nữa là khá thấp. Công cụ Fedwatch tool cho thấy tỷ lệ khảo sát tăng lãi suất 0.25% tại kỳ họp tháng 7 và tháng 9 lần lượt ở mức 92.4% và 12%.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

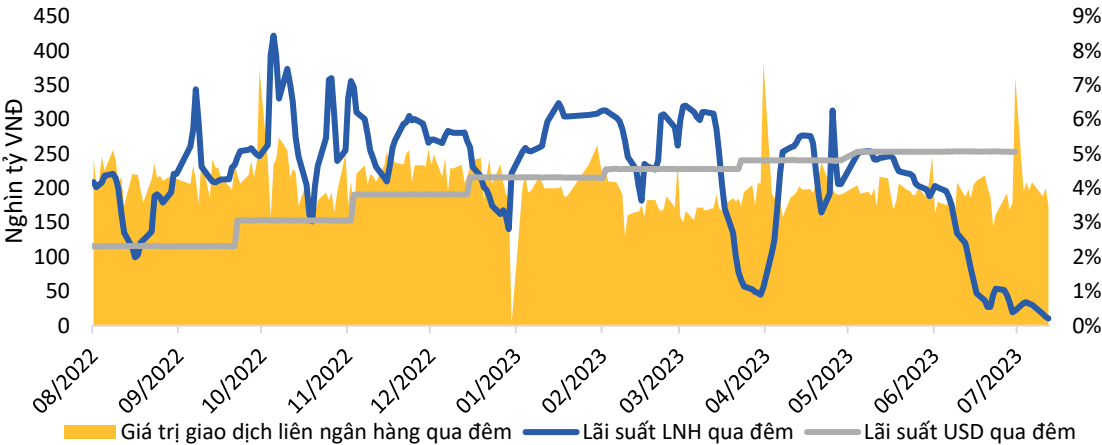
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 21	22/5/2023	26/5/2023	753.48	49,547.41	48,793.93
Tuần 22	29/5/2023	1/6/2023	547.61	25,514.48	24,966.87
Tuần 23	6/5/2023	6/9/2023	1,354.88	16,900.00	15,545.12
Tuần 24	12/6/2023	16/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 25	19/6/2023	23/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 26	26/6/2023	30/6/2023	293.83	0.00	-293.83
Tuần 27	3/7/2023	7/7/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 28	10/7/2023	14/7/2023	0.00	0.00	0.00

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.27%	0.54%	0.82%	2.34%	4.65%	6.88%	7.99%
So với tuần trước	-0.34%	-0.76%	-0.70%	-0.97%	-0.34%	0.14%	-0.11%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	187,903.33	12,440	4,503	3,996	3,439	591	28
So với tuần trước	-19.81%	-7.85%	17.04%	27.34%	82.55%	-12.42%	2667%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 12/07/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 28, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV không thực hiện mua giấy tờ có giá.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 0.27%.
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 187.90 nghìn tỷ đồng.

PTKT VN-INDEX: VN-Index hướng về ngưỡng tâm lý 1,200 điểm

Đồ thị ngày: Sau khi breakout và mở gap giá vượt qua 1,138 điểm trong phiên đầu tuần, VN-Index liên tiếp có những phiên giao dịch tích cực bám sát dải bollingerband trên. Xen giữa những phiên tăng điểm chạy đà là những cây nến doji có bóng nến dài cho thấy tâm lý chưa rõ ràng và thị trường vẫn đang tăng điểm trong nghi ngờ. Các chỉ báo kỹ thuật cũng bước vào vùng quá mua, với dấu hiệu phân kỳ nhẹ giữa VN-Index và RSI.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ mức 64 lên 75 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ dưới lên và giữ trên mức 0. Thanh khoản tăng 18% so tuần trước.
- VN-Index vượt qua trên các đường SMA đồ thị ngày, giá bám sát dải bollingerband trên.

Nhận định: Xu hướng tăng điểm đang có sự hỗ trợ của thanh khoản vượt ngưỡng trên của vùng tích lũy 1,120 – 1,140 điểm. Chỉ số tiếp tục xu hướng tăng điểm ngắn hạn với phiên giao dịch chỉ hướng đầu tuần như đã đề cập trong tuần trước. VN-Index đang có động lực hướng tới ngưỡng tâm lý 1,200 điểm trong tuần tới. Dù vậy khi giá đang bám sát dải bollinger band trên, các chỉ báo vào vùng quá mua và xuất hiện tín hiệu phân kỳ nhẹ thì hoạt động rung lắc sẽ diễn ra rõ ràng hơn trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: VBMA: có 13 đợt phát hành TPDN riêng lẻ trong tháng 6/2023

VIỆT NAM:

- Quốc hội: Chủ tịch Quốc hội đề nghị Ủy ban Tài chính, ngân sách của Quốc hội phải tiến hành phiên giải trình về hoàn thuế giá trị gia tăng, việc hoàn thuế VAT cho Doanh nghiệp cần phải thực hiện ngay.
- Chính phủ: đề xuất thu phí phương tiện lưu thông trên cao tốc do Nhà nước đầu tư hoặc nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo hợp đồng dự án đối tác công tư.
- Chính phủ: yêu cầu Bộ Tài chính sớm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu của OECD trước ngày 13/7/2023.
- Chính phủ: PTT Lê Minh Khái đề nghị Bộ Tài chính khẩn trương xử lý thực chất, hiệu quả những tồn tại, bất cập của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bảo hiểm và thị trường chứng khoán, yêu cầu khẩn trương vận hành sàn giao dịch TPDN trong T07/2023.
- Bộ Tài chính: giải ngân kế hoạch vốn 6T2023 đạt 215,578.9 tỷ đồng, bằng 30.49% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, tăng khá nhiều svck năm 2022 (tỷ lệ giải ngân cùng kỳ năm 2022 đạt 25.68% kế hoạch và đạt 27.75% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).
- NHNN: đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống khoảng 14%.
- Bộ Công Thương: chậm nhất đến T62024 phải hoàn thành các dự án đường dây truyền tải điện 500kV mạch 3 kéo dài, đưa vào vận hành theo đúng tiến độ đã được Thủ tướng Chính phủ giao.
- Bộ Công Thương: đề xuất cơ cấu biểu giá bán lẻ điện mới. Theo dự thảo, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là bảng kê tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện.
- SGDCK Hà Nội: Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ đã sẵn sàng vận hành, Vietcombank là ngân hàng thanh toán cho hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ
- VBMA: có 13 đợt phát hành TPDN riêng lẻ trong tháng 6, và không có đợt phát hành nào ra công chúng. Tổng giá trị các đợt phát hành TPDN trong tháng 6 là 8,170 tỷ đồng. Lãi suất trung bình là 10.5%/năm, kỳ hạn trung bình 4.2 năm.

THẾ GIỚI:

- Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ: cả Mỹ và Trung Quốc đều muốn ổn định mối quan hệ song phương.
- Hoa Kỳ: chỉ số giá tiêu dùng (CPI) T06/2023 đã tăng 3% so với cùng kỳ. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 3/2021. CPI lõi đã tăng 4.8% so với cùng kỳ và 0.2% so với tháng 5.
- Hoa Kỳ: chỉ số giá sản xuất (PPI) T06 tăng ít hơn kỳ vọng +0.1% svck năm ngoái, thấp hơn mức tăng 1.1% của tháng 5, PPI lõi tăng 2.6%, thấp hơn mức tăng 2.8% của tháng 5
- Trung Quốc: cung tiền M2 tháng 6 +11.3% y/y. Tăng trưởng tiền tiếp tục chậm lại ở Trung Quốc khi chính phủ phải cân bằng giữa các điều kiện thắt chặt tín dụng và cung cấp nhiều kích thích hơn.
- Trung Quốc: chỉ số CPI tháng 6 giữ nguyên so với cùng kỳ năm ngoái cho thấy rủi ro giảm phát cao trong bối cảnh nhu cầu nội địa yếu và giá bán tại nhà máy giảm sâu.
- Trung Quốc: Xuất khẩu giảm 12.4%, nhập khẩu giảm 6.8% svck. Đây là tháng thứ hai liên tiếp xuất khẩu suy giảm và là dấu hiệu mới nhất cho thấy sức phục hồi của nền kinh tế đang chậm lại.
- Châu Âu: chỉ số sản xuất công nghiệp T06 tăng vượt dự kiến so với tháng trước với mức +0.2% MoM, -2.2% YoY
- Goldman Sachs: Dự báo NHTW Canada sẽ tăng lãi thêm +25bps vào tháng 1
- Anh: doanh số bán hàng 6T2023 +4.2% YoY (trước đó 3.7%). Tổng doanh thu bán lẻ 6T2023 +4.9% (trước đó +3.9%).
- Hàn Quốc: XK từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 7 đã giảm 14.8% svck năm ngoái, trong khi NK giảm 26.9% svck năm ngoái. Thâm hụt thương mại trong giai đoạn 1-10 tháng 7 là 2.28 tỷ USD.
- Nhật Bản: PPI tháng 6 -0.2% m/m (dự kiến +0.2%, trước đó -0.7%); +4.1% y/y (dự kiến +4.4%, trước đó 5.1%).
- Đức: CPI tháng 6 +6.4% YoY, lạm phát của quốc gia này tiếp tục ở mức cao.
- Canada: NHTW tăng lãi suất thêm 0.25% nâng mức LSH lên 5.0% - phù hợp với kỳ vọng của thị trường
- New Zealand: NHTW lần đầu tiên giữ nguyên lãi suất sau gần hai năm - ở mức 5.5% - trong bối cảnh các dấu hiệu cho thấy nền kinh tế yếu hơn đang làm chậm lạm phát.

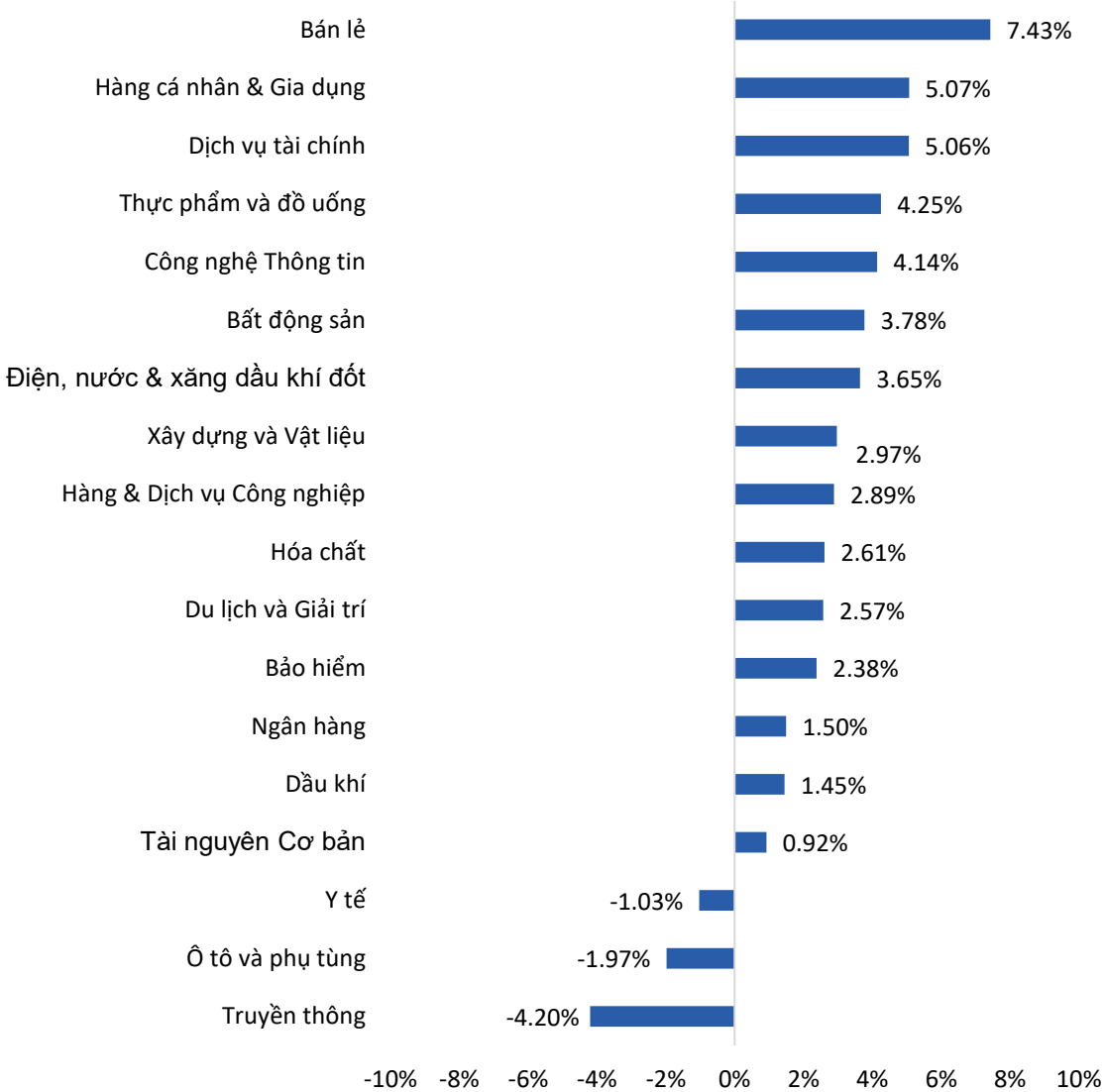
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền vận động phân hóa trước mùa công bố KQKD quý II;
- Thông tin về điều hành chính sách tiền tệ của NHNN;
- 16/7, Cuộc họp G20 kéo dài 5 ngày. 17/7, GDP, chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, FDI và tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; chủ tịch ECB phát biểu. 18/7, Biên bản chính sách tiền tệ Australia; CPI Canada; Doanh thu bán lẻ, chỉ số sản xuất công nghiệp Hoa Kỳ. 19/7, CPI Anh; CPI công bố lần cuối, giấy phép xây dựng và dự trữ tồn kho dầu Hoa Kỳ. 20/7, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và Doanh thu bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ. 21/7, Doanh thu bán lẻ Anh và Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bán lẻ	0.17%	7.43%	17.99%	MWG	8.68%	PNJ	9.33%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.52%	5.07%	7.62%	TCM	-1.00%	TNG	-0.74%
Dịch vụ tài chính	1.32%	5.06%	10.84%	SSI	7.75%	HCM	1.85%
Thực phẩm và đồ uống	0.19%	4.25%	5.05%	VNM	3.39%	MSN	8.78%
Công nghệ Thông tin	2.98%	4.14%	8.21%	FPT	3.98%	CMG	2.35%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	75.42	-1.91%	2.11%	12.08%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	79.87	-1.83%	1.78%	9.16%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	264.37	-1.30%	2.10%	10.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,955.21	-0.27%	1.57%	0.65%		PNJ
Bạc	USD/oz.	24.95	0.28%	8.06%	4.31%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,370.75	0.07%	4.02%	13.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	661.50	3.40%	1.85%	2.40%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.09	-1.63%	3.93%	-10.18%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	205.20	0.10%	-0.39%	-2.47%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	24.32	1.29%	3.36%	-3.30%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	160.80	2.03%	-0.06%	-11.40%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,673.50	-0.24%	3.62%	1.93%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,748.00	0.89%	1.88%	2.07%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,276.50	-0.07%	6.11%	1.02%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	840.00	1.45%	4.15%	5.53%		HPG
Than đá	USD/MT	133.70	4.25%	-8.08%	-5.55%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	539.21	0.90%	3.04%	1.91%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
BID	0.06%	3.14
VHM	0.04%	2.64
MSN	0.09%	2.38
MWG	0.09%	1.46
GAS	0.03%	1.45
VNM	0.03%	1.27
VIC	0.03%	1.25
MBB	0.05%	1.09
FPT	0.04%	0.84
SSI	0.08%	0.78
Tổng		16.30

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
STB	-0.02%	-0.29
LPB	-0.03%	-0.20
DHG	-0.04%	-0.16
CTF	-0.17%	-0.12
VSC	-0.06%	-0.07
PGI	-0.07%	-0.05
VCF	-0.03%	-0.04
DTL	-0.06%	-0.03
HT1	-0.01%	-0.02
CTR	-0.01%	-0.01
Tổng		-0.99

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
SSI	435.06	
HPG	229.93	25.98
VHM	147.83	23.94
KBC	127.36	19.66
DGW	82.98	24.70
VHC	71.89	32.38
MSN	64.45	
SHS	52.85	8.97
GAS	47.83	2.91
GEX	35.67	11.71
Tổng	1,295.84	

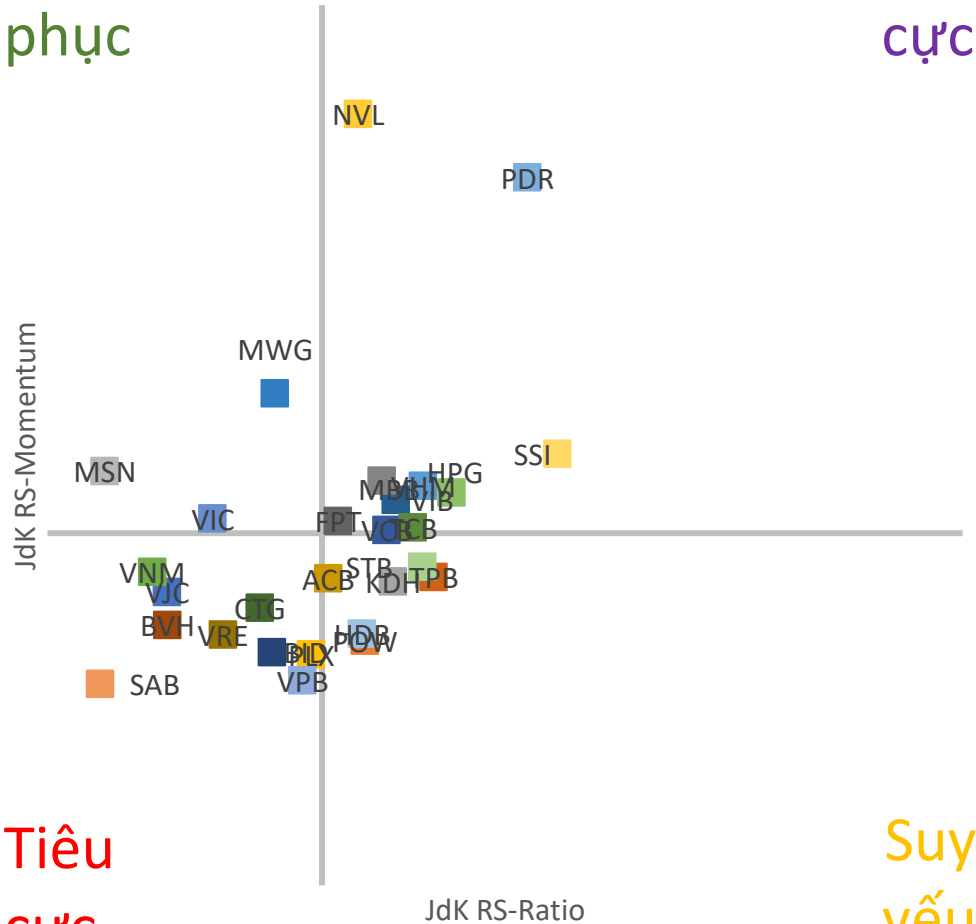
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
STB	-427.92	25.17
VRE	-265.62	32.44
DGC	-218.71	14.58
PVD	-136.94	21.33
VNM	-133.36	53.81
VPB	-122.94	16.95
POW	-115.28	7.37
KDC	-112.20	21.42
VCI	-85.34	25.16
EIB	-85.30	
Tổng	-1703.60	

Vận động cổ phiếu VN30			
VHM	105.5283	101.3431	11.02%
VIB	104.0504	100.9385	18.83%
BVH	91.55736	97.38969	2.07%
FPT	100.8799	100.3417	14.73%
PDR	111.2285	110.1008	44.27%
NVL	101.9769	111.8973	2.02%
HPG	107.0908	101.1478	31.26%
MBB	103.2764	101.4839	21.15%
VCB	103.5393	100.0879	17.45%
TCB	104.9777	100.1551	9.61%
GVR	111.1858	103.9399	40.72%
SSI	112.8728	102.2466	36.19%
MSN	88.13242	101.7549	14.57%
VIC	94.02678	100.411	-0.96%
MWG	97.43928	103.97	28.78%
POW	102.3398	96.94403	-1.48%
KDH	103.8925	98.61776	8.62%
TPB	106.1047	98.7531	9.84%
ACB	100.3522	98.71223	9.06%
HDB	102.1916	97.14374	5.41%
STB	105.497	99.04285	11.97%
PLX	99.41309	96.55029	10.84%
VJC	91.54721	98.32514	-1.11%
VNM	90.72904	98.89337	3.24%
VRE	94.59734	97.11383	-1.75%
BID	97.28044	96.61671	6.01%
CTG	96.60575	97.87968	5.28%
SAB	87.88267	95.71021	-9.21%
GAS	91.62006	99.76479	6.00%
VPB	98.93389	95.81054	-1.73%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

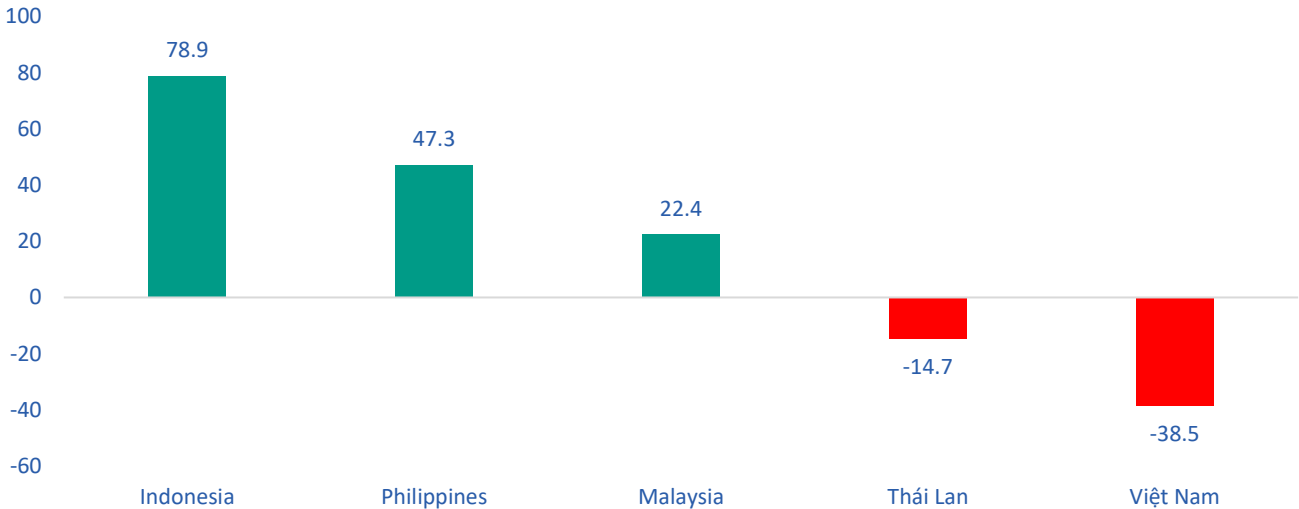
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	95.4	(226.3)	(226.3)	(3,671.5)
Indonesia	78.9	120.7	120.7	1210.9
Philippines	47.3	40	40	-427.4
Malaysia	22.4	-32.2	-32.2	-961.5
Thái Lan	-14.7	-242.9	-242.9	-3349.7
Việt Nam	-38.5	-111.9	-111.9	-143.8
Các nước	3,149.4	2,281.0	2,281.0	32,640.5
Hàn Quốc	1088.9	1280.6	1280.6	9224.9
Đài Loan	1107.9	-1290.7	-1290.7	9956.6
Ấn Độ	954.2	2288.6	2288.6	13454.6
Sri Lanka	-1.6	2.5	2.5	4.4

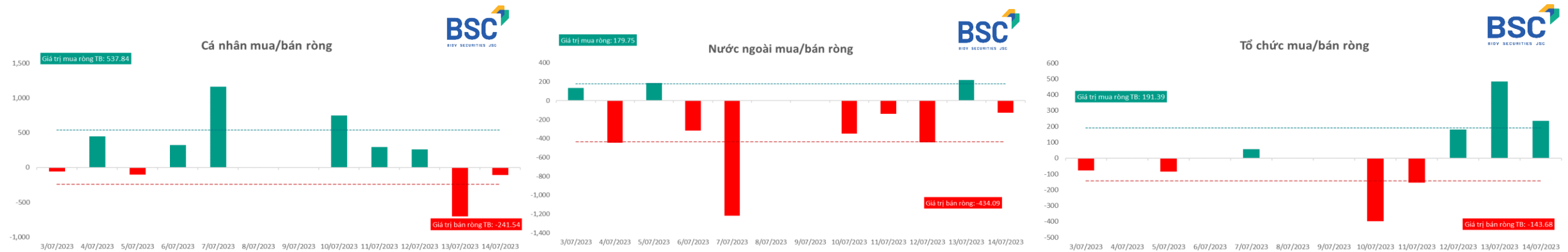


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23					Jul-23			
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	Tổng	
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	(8.05)	241.88	
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	(4.78)	245.92	
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	(2.43)	67.48	
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	6.90	81.89	
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	1.37	64.38	
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	(10.62)	32.17	
ETF nội	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(3.27)	(4.04)	
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	(1.97)	0.24	
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(1.08)	(4.90)	
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	(0.22)	0.62	

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
GEX	7,498,000	145.47	STB	2,585,104	-73.40	GEX	15,666,000	410.86	VHM	13,822,603	-765.95	STB	16,989,316	489.16	SSI	18,604,033	-521.71
FUEVFNVD	4,145,600	101.51	VCB	681,500	-71.81	FUEVFNVD	2,007,200	141.82	EIB	34,247,300	-726.82	VPB	15,205,257	301.48	VHM	3,508,019	-197.45
FPT	1,234,650	94.88	VSC	1,520,000	-54.69	FPT	5,421,500	140.76	STB	9,313,300	-273.91	VRE	10,063,021	276.52	HPG	6,334,411	-175.91
MWG	1,537,799	74.28	FUEMAVND	3,599,900	-36.77	MWG	4,454,600	85.92	KDC	3,310,500	-200.38	DGC	3,429,781	236.68	GEX	8,387,991	-155.61
ACB	3,121,500	68.53	FUEKIVFS	3,000,400	-30.75	ACB	1,392,428	84.03	PNJ	2,335,100	-171.27	SBT	8,144,199	127.27	HSG	8,187,356	-143.01
MSN	705,800	57.61	CTG	945,500	-28.49	MSN	1,057,600	57.75	NLG	4,626,300	-148.60	KDC	1,930,751	116.95	VNM	1,905,904	-135.03
VIB	1,728,696	34.87	DGW	571,500	-27.56	VIB	1,411,000	38.99	VNM	1,799,300	-127.01	POW	8,361,306	111.27	MSN	1,568,885	-122.98
DPM	698,200	25.38	NVL	1,775,100	-26.05	DPM	714,900	37.04	POW	5,775,500	-76.20	PVD	4,361,919	109.06	KBC	3,517,515	-108.53
NKG	1,297,600	24.31	BAF	930,200	-23.24	NKG	1,421,200	32.91	HDB	3,887,800	-71.54	NVL	6,796,629	99.94	VIB	4,272,880	-86.02
VNM	249,698	18.19	VHC	244,500	-18.10	VNM	511,700	23.00	HCM	2,071,100	-59.81	SGN	1,231,480	91.13	PTB	1,514,276	-79.61

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

• **BSC30:** Trong tuần 28, BSC30 **+3.11%**. Các mã diễn biến tích cực: **NLG** (+15.49%), **PNJ** (+9.33%), **MSN** (+8.78%).

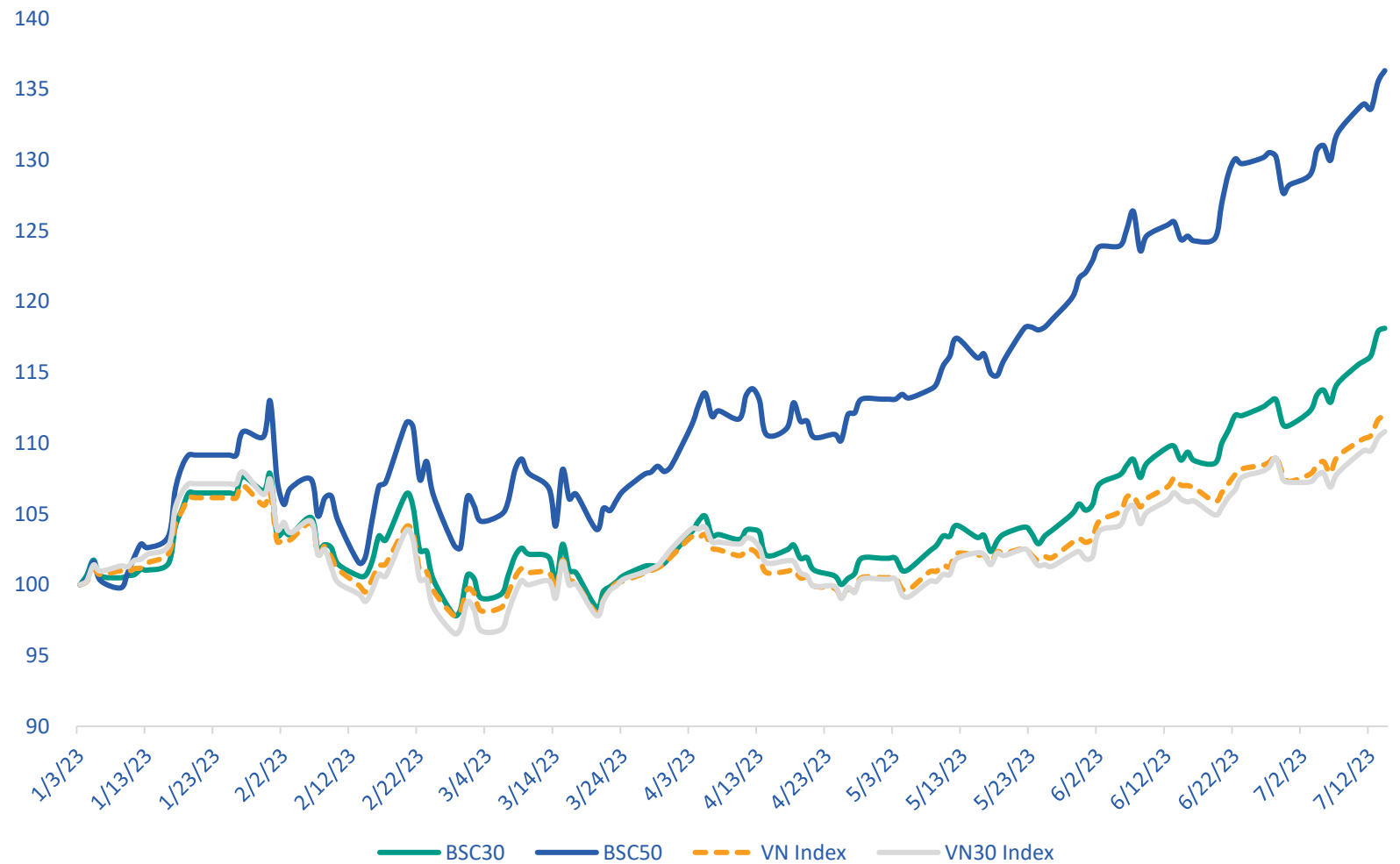
• **BSC50:** Trong tuần 28, BSC50 **+3.37%**. Các mã diễn biến tích cực: **HDC** (+17.43%), **GEX** (+10.57%), **DGW** (+8.70%).

(Chi tiết danh mục tại trang 12, 13, 14)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	105	0.10%	0.83	21,604.97	3.64	7,311.00	14.36	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	46.75	-0.32%	0.99	10,282.00	5.31	4,208.00	11.11	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.9	-0.25%	1.15	5,808.38	15.06	3,972.00	5.01	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	31.95	0.00%	1.43	4,885.90	6.19	14,982.00	2.13		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.65	1.65%	1.40	4,227.94	14.98	14,982.00	1.24	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	29	-3.33%	1.27	2,377.01	93.45	4,640.00	6.25	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	21.6	-0.23%	1.85	3,756.52	2.23	4,603.00	4.69	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	31	0.00%	1.62	1,034.60	10.93	4,880.00	6.35	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	44.2	-0.23%	1.73	634.17	5.69			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	46.85	-0.11%	1.74	913.27	1.91	1,217.00	38.50		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.5	1.66%	1.60	6,952.46	20.24	1,916.00	14.35	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	56.4	0.18%	0.87	10,677.67	5.02	1,896.00	29.75	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	28	-0.53%	1.12	2,766.30	12.39	5,227.00	5.36	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	31.5	-0.63%	1.53	981.75	2.65	1,576.00	19.99	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	36.9	6.49%	1.60	616.20	10.77	2,557.00	14.43	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	71.6	0.56%	1.42	1,182.27	11.99	14,120.00	5.07	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	36.9	-0.54%	1.32	627.84	5.72	6,793.00	5.43	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	28.4	-0.35%	1.43	653.69	5.59	2,625.00	10.82	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	99	-0.30%	0.72	8,238.31	3.01	2,292.00	43.19	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	40.9	-1.21%	1.13	2,259.44	3.05	1,340.00	30.52	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	34	0.00%	1.17	706.56	6.49	993.00	34.24	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	25.15	-0.59%	1.44	607.84	5.63	7,698.00	3.27	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.3	-0.37%	1.10	1,354.21	4.37	3,895.00	3.41	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	73.3	0.27%	0.44	6,660.60	16.45	2,605.00	28.14	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	81.8	0.00%	1.24	5,063.51	5.99	3,456.00	23.67	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	49.45	0.20%	1.46	3,145.47	12.57	7,475.00	6.62	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.5	0.64%	0.80	1,119.48	4.97	2,965.00	26.48	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	74.8	0.40%	1.21	596.37	2.35	12,800.00	5.84	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	57	-0.35%	0.66	746.89	2.21	7,059.00	8.07	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	78.3	3.30%	0.75	4,323.42	9.55	5,901.00	13.27	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.9	-0.33%	1.17	6,247.48	10.32	3,520.27	8.49	1.28	27.19%	16.13%
ACB	Ngân hàng	22	0.00%	1.05	3,715.18	6.57	3,742.40	5.88	1.37	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	18.9	1.61%	0.87	2,066.89	3.77	3,148.88	6.00	1.22	19.50%	22.62%
LPB	Ngân hàng	15.65	-2.19%	1.51	1,176.54	9.03	2,732.22	5.73	1.07	4.19%	19.91%
VIB	Ngân hàng	20.25	0.25%	1.33	2,233.49	3.99	3,469.03	5.84	1.57	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	18.5	3.06%	1.99	979.57	34.86	489.06	37.83	1.54	23.28%	4.76%
TPB	Ngân hàng	18.15	-0.55%	1.10	1,737.38	3.05	2,895.37	6.27	1.19	29.20%	20.89%
SSI	chứng khoán	28.5	0.35%	1.72	1,857.63	19.80	1,119.93	25.45	1.87		7.91%
CII	Xây dựng	19.65	4.24%	1.87	242.65	16.68	217.60	90.31	0.92	8.88%	1.02%
C4G	Xây dựng	14.6	1.39%	2.12	213.97	3.93	790.73	18.46	1.34	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	80	2.96%	1.95	258.83	2.35	183.95	434.89	0.72	49.00%	0.16%
HHV	Xây dựng	15.85	-0.31%	1.69	226.97	6.12	903.05	17.55	0.72	4.63%	3.89%
LCG	Xây dựng	14	0.00%	2.16	117.08	6.01	812.23	17.48	1.06	3.25%	6.14%
BCM	KCN	80.9	-0.12%	0.92	3,640.50	1.22	1,170.44	69.12	4.94	2.73%	8.07%
HUT	KCN	20.5	1.99%	1.53	310.74	4.16	161.84	126.67	1.84	1.88%	1.44%
PHR	KCN	51.3	0.00%	1.45	302.22	1.30	6,038.56	8.50	1.98	15.22%	24.10%
SZC	KCN	32.25	-0.46%	1.91	168.26	1.21	1,102.80	29.24	2.50	3.02%	8.95%
HSG	Vật liệu	17.75	1.43%	2.09	475.38	13.37	(1,693.61)		1.05	17.67%	-9.56%
HT1	Vật liệu	17	2.41%	1.55	282.04	1.26	386.12	44.03	1.30	3.39%	2.89%
NKG	Vật liệu	19.35	3.75%	2.29	221.50	12.14	(2,585.96)		0.97	9.77%	-11.84%
PTB	Vật liệu	53.9	-1.10%	1.11	159.45	1.65	6,016.80	8.96	1.33	15.86%	15.72%
KSB	Vật liệu	31.5	0.96%	1.76	104.49	4.00	1,392.77	22.62	1.23	3.45%	5.58%
NVL	BĐS	15.15	1.34%	0.97	1,284.53	28.24	362.35	41.81	0.80	3.46%	1.93%
DXG	BĐS	15.75	1.29%	2.29	417.74	15.12	(239.59)		1.05	18.52%	-1.63%
HDC	BĐS	33.35	6.89%	1.47	195.90	4.38	2,525.76	13.20	2.41	1.82%	20.89%
DIG	BĐS	22.4	1.36%	2.58	593.94	20.66	261.72	85.59	2.00	5.54%	2.12%
IJC	BĐS	14.6	-0.68%	2.03	159.86	1.47	1,661.89	8.79	0.94	6.37%	11.25%
BSR	Dầu khí	18.2	-1.09%	1.44	2,453.44	6.86	4,750.00	3.83	1.10	0.38%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.7	0.00%	1.21	333.50	4.63	2,740.01	8.65	1.24	14.70%	15.37%
PLC	Săm lốp	38.2	-1.29%	1.86	134.19	0.68	1,355.49	28.18	2.45	1.26%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	23.2	-0.85%	1.26	119.83	0.83	2,246.06	10.33	1.47	9.51%	14.36%
REE	Tiện ích	66	0.00%	0.79	1,172.81	1.95	6,714.22	9.83	1.70	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	20.4	0.99%	1.95	755.24	21.46	9.99	2042.86	1.45	11.74%	0.07%
NT2	Tiện ích	31.35	3.81%	0.75	392.39	2.69	3,244.99	9.66	1.98	15.51%	20.92%
HDG	Tiện ích	31.65	-0.16%	1.68	420.75	1.05	3,774.53	8.39	1.73	24.84%	22.63%
PC1	Tiện ích	28	0.00%	1.35	329.22	3.39	1,257.41	22.27	1.48	6.32%	6.82%
GEG	Tiện ích	15.15	2.02%	1.10	224.78	1.15	901.85	16.80	1.67	46.41%	5.74%
BCG	Dầu khí	9.8	-0.61%	2.19	227.30	5.10	220.40	44.46	0.78	1.72%	1.50%
SAB	Bán lẻ	153.8	0.20%	0.16	4,288.22	0.80	7,649.00	20.11	4.09	62.31%	22.07%
QNS	Bán lẻ	52	1.17%	0.53	806.99	3.09	4,226.00	12.30	2.10	17.17%	17.50%
FRT	Bán lẻ	77.2	1.05%	1.53	457.30	3.58	1,620.00	47.65	5.25	33.44%	11.52%
DGW	Bán lẻ	50	-0.79%	1.92	363.20	4.10	3,396.50	14.72	3.30	24.44%	24.73%
DBC	Bán lẻ	26	-0.57%	2.06	273.57	8.39	(1,339.12)		1.46	7.74%	-7.20%
PET	Bán lẻ	29.5	-1.01%	2.34	126.75	1.11	1,025.57	28.76			4.26%
BAF	Bán lẻ	24.8	-0.40%		154.75	3.52	1,408.62	17.61	1.88	0.21%	11.80%
ANV	Thủy sản	38.3	0.79%	1.63	221.69	3.57	4,368.00	8.77	1.68	3.97%	20.07%
VSC	Logistics	36.25	-2.16%	0.54	191.13	3.04	2,086.56	17.37	1.67	3.23%	9.43%
HAH	Logistics	48.75	-0.51%	1.26	149.10	3.55	9,072.47	5.37	1.43	4.82%	34.36%
CTR	Công nghệ	74.1	0.14%	1.44	368.52	1.02	4,040.07	18.34	4.84	10.49%	29.32%
TNG	Dệt may	19.9	-0.50%	1.70	98.22	1.33	2,665.32	7.47	1.39	19.23%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

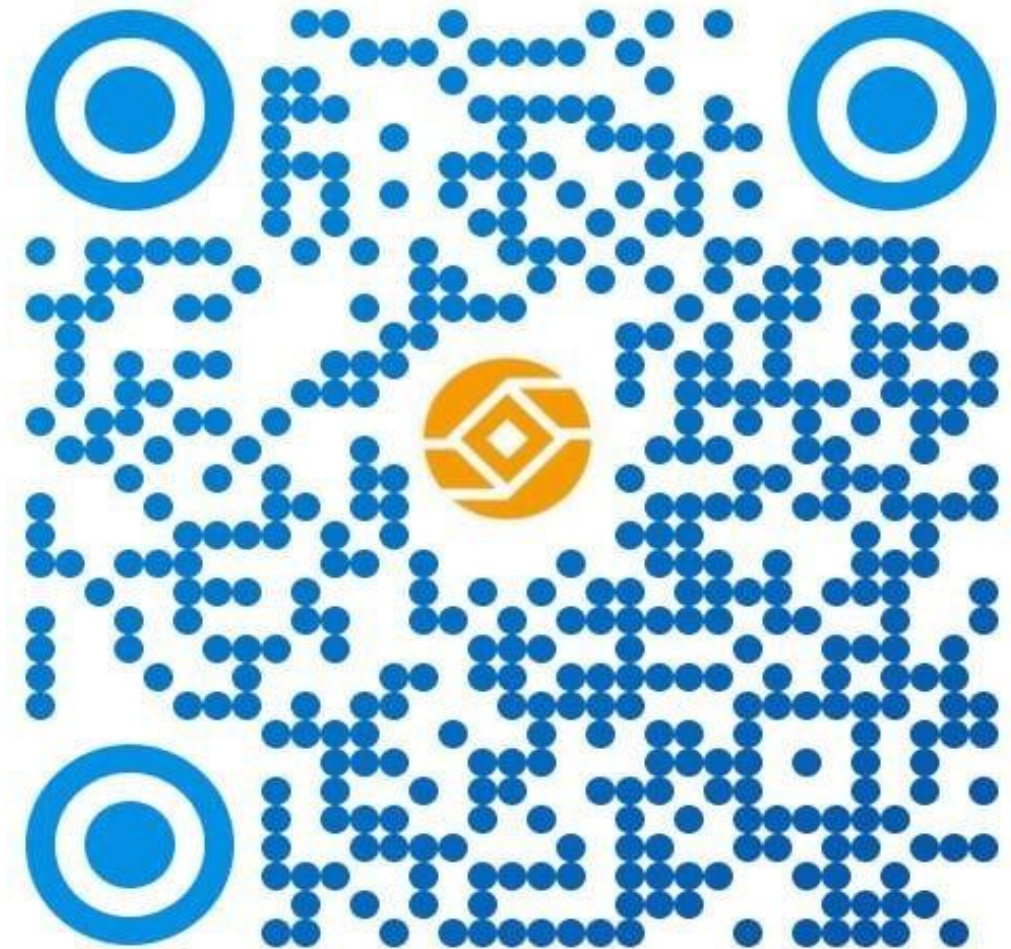
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký